| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ C**<br>**TỈNH KHÁNH HÒA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 63/2018/QĐST-HNGĐ | *C, ngày 05 tháng 6 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 82/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018, giữa:

* Bà Lê Thị T - Sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường M, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

* Ông Nguyễn S - **S**inh năm: 1979.

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường M, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

* Ngân hàng B.

Địa chỉ: Tòa nhà X, khu Y, phường L, quận K, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị H - sinh năm 1963

Chức vụ phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng B – tỉnh Khánh Hòa.

* Ngân hàng E

Địa chỉ: N, XX Hàng T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q - Sinh năm: 1983

Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Phòng giao dịch C - Ngân hàng E - Chi nhánh Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2018**.**

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn S.

***2.*** Công nhận sự thoả thuận giữa bà Lê Thị T và ông Nguyễn S cụ thể như sau:

***** Về con chung**:** Ông Nguyễn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn B - sinh ngày 7/3/2008, Nguyễn G - sinh ngày 20/7/2005.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận về việc ông Nguyễn S và bà Lê Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

***** Về tài sản chung**:** Bà Lê Thị T và ông Nguyễn S tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

* Về nợ chung:

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thị T, ông Nguyễn S và Ngân hàng B như sau:

Bà Lê Thị T trả cho Ngân hàng B tại phòng giao dịch C 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 6600000709607716 ngày 07 tháng 5 năm 2017 giữa bà Lê Thị T và Ngân hàng B - phòng giao dịch C theo thời gian và số tiền cụ thể như sau:

+ Ngày 8/12/2018 trả: 16.667.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 6600000709607716 ngày 07 tháng 5 năm 2017 giữa bà Lê Nguyễn Thanh Tú và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - phòng giao dịch Cam Ranh

+ Ngày 8/12/2019 trả: 16.667.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 6600000709607716 ngày 07 tháng 5 năm 2017 giữa bà Lê Thị T và Ngân hàng B - phòng giao dịch C.

+ Ngày 8/12/2020 trả: 16.667.000 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 6600000709607716 ngày 07 tháng 5 năm 2017 giữa bà Lê Thị T và Ngân hàng B - phòng giao dịch C.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Lê Thị T, ông Nguyễn S và Ngân hàng E như sau:

Bà Lê Thị T đã thanh toán xong số nợ tiền vay cho Ngân hàng E - chi nhánh Khánh Hòa, Ngân hàng E - chi nhánh Khánh Hòa đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 424634, số vào số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 10591 ngày 24/12/2015 mang tên ông Nguyễn S, bà Lê THị T cho ông Nguyễn S và bà Lê Thị T. Nay bà Lê Thị T, ông Nguyễn S và Ngân hàng E không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí**:** Bà Lê Thị T tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Lê Thị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0012233 ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C; như vậy, bà Lê Thị T còn phải nộp 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

***3.*** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Luẩn**

**Nơi nhận**:
- *Các đương sự;*
- *VKSND thành phố C;*
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *CCTHADS thành phố C;*
- *UBND phường Mi;*
- *Lưu hồ sơ, AV.*